

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HNT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HNT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HNT VIETNAM IMPORT EXPORT COMMERCIAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109391376

3. Ngày thành lập: 27/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 56, ngách 1/65, đường N12, tổ dân phố 5, phố Phan Đình Phùng, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonne, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất siro; - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm; - Kinh doanh thực phẩm chức năng; - Bán buôn sữa và các chế phẩm từ sữa.	4632(Chính)
3.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610

5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế ; -Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
7.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường, sữa bánh kẹo, các chế phẩm từ sữa lưu động hoặc tại chợ.	4781
10.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
13.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
14.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm; - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	2023
15.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
16.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
17.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định 36/2016/NĐ-CP) - Dịch vụ kính thuốc (Điều 36 nghị định 109/2016/NĐ-CP quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) - Kinh doanh thiết bị phòng cháy, chữa cháy (Điều 45 nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
19.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò - Chăn nuôi trâu, bò thịt; cày kéo; - Sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu sữa	0141
21.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: - Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để lấy thịt; - Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa; - Chăn nuôi cừu để lấy lông.	0144
22.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
23.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM SƠN TÙNG	Đội 15 ,thôn Hoàng Xá 3, Xã Quyết Thắng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	166.650	1.666.500.000	33,330	030090001140	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	166.650	1.666.500.000	33,330		
2	LÊ TRỌNG NAM	Thôn Hưng Hiền, Xã Yên Hưng, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	166.650	1.666.500.000	33,330	037077001868	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	166.650	1.666.500.000	33,330		

3	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Khu 6, Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	166.700	1.667.000.000	33,340	030090005674
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	166.700	1.667.000.000	33,340	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 11/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030090005674

Ngày cấp: 22/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6, Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 6, Thị trấn Thanh Hà, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội